TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2018/DS-PT
Ngày: 16 - 7 - 2018
"V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Văn Ngọt.

2/ Ông Nguyễn Văn Toàn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Thanh Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng***: ông Trần Văn Nghiệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST, ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2018/QĐ-PT ngày 06/7/2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Bà Huỳnh Thanh T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số * ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Ông Nguyễn Văn U, Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Lê Hồng T1, sinh năm 1979; địa chỉ: Số * ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị P, sinh năm 1969; địa chỉ: Số * ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Dương Trung T2, sinh năm 1968; địa chỉ: Số * ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Võ Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

1/- Nguyên đơn Huỳnh Thanh T trình bày:

Vào ngày 01/01/2012 âm lịch bà có tham gia chơi hụi hùn vốn xoay vòng do bà Võ Thị P làm đầu thảo, hụi có 16 người tham gia, hụi 10.000.000 đồng, bà tham gia một chưng. Đến ngày 30/12/2016 âm lịch bà P khui hụi mà không gom tiền nữa, đến tháng 01/2017 âm lịch bà có đến nhà bà P để khui hụi nhưng bà P trả lời là bây giờ bà P công bố vỡ hụi và không có khả năng trả nữa. Tính đến ngày 30/12/2016 âm lịch thì bà đã đóng được 09 lần với số tiền 38.600.000 đồng và kể từ tháng 01/2017 âm lịch thì bà P ngưng khui hụi với lý do vỡ nợ, như vậy bà đã có 09 lần hụi chết tương đương 90.000.000 đồng. Sau khi bà P tuyên bố bể hụi bà có thỏa thuận cho bà P trả cho bà tiền vốn cộng với tiền mua đồ tiệm là 45.000.000đồng, trả mỗi tháng là 3.000.000 đồng bà P có làm biên nhận cho bà nhưng bà P không trả cho bà lần nào để kéo dài đến nay. Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị P và ông Dương Trung T2 trả cho bà số tiền hụi 90.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

2/- Nguyên đơn Lê Hồng T1 trình bày:

Vào ngày 30/10/2014 âm lịch ông có tham gia chơi hụi hùn vốn xoay vòng do bà Võ Thị P làm đầu thảo, gồm có 12 chưng hụi, loại hụi 5.000.000 đồng, ông tham gia một chưng, bốn tháng khui một lần, tính đến ngày 30/02/2017 âm lịch ông đã đóng cho bà P 07 lần, tổng cộng số tiền 16.800.000 đồng và kể từ ngày 30/02/2017 âm lịch bà P đã ngưng hụi và không khui tiếp nữa với lý do là bà P nói là bà bị bể nợ. Tính đến ngày 30/02/2017 âm lịch thì ông đã đóng được 07 lần với số tiền 35.000.000 đồng. Ông có thỏa thuận cho bà P trả phần tiền vốn ông đã đóng nhưng bà P không trả cho ông khoản nào hết. Nay ông yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị P và ông Dương Trung T2 trả cho ông số tiền hụi 35.000.000 đồng hụi chết và không yêu cầu tính lãi. Trước đây trong đơn khởi kiện ông nêu là đóng 8 lần với số tiền là 17.800.000 đồng, nhưng lần thứ 8 bà P không có gom tiền nên ông chỉ yêu cầu 07 lần hụi chết.

3/- Bị đơn Võ Thị P trình bày:

Bà thừa nhận bà có làm chủ hụi dây hụi 10.000.000 đồng, 06 tháng khui một lần, khui ngày 01/01/2012 âm lịch như bà T trình bày là đúng, hụi đã khui được 08 lần, lần thứ 09 là bà tuyên bố bể hụi không có gom tiền nữa, bà T đóng được số tiền 38.600.000 đồng nhưng sau bể hụi thì bà có mời bà T và các hụi viên khác đến trao đổi thì bà và bà T thống nhất thỏa thuận là bà sẽ trả cho bà T số tiền 45.000.000 đồng gồm vốn và lãi hụi, có làm biên nhận ngày 10/5/2017 mà bà T cung cấp cho Tòa án là do bà tự viết và ký tên, sau khi ký biên nhận thì bà có gửi cho bà T 3.000.000 đồng, hiện nay bà yêu cầu được trả số tiền cho bà T còn nợ lại là 42.000.000 đồng chứ bà bể hụi không có khả năng trả tiền lãi hụi vì bà cũng bị những người tham gia hụi khác giật hụi. Bà chơi hụi cũng nhằm mục đích kiếm thêm thu nhập để phục vụ sinh hoạt trong gia đình.

Bà thừa nhận có làm chủ hụi và còn thiếu phần tiền hụi chết như bà T, ông T1 trình bày là đúng nhưng bà xin trả dần số tiền nợ còn thiếu theo thỏa thuận mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc bà làm chủ hụi để lấy tiền xoay sở trong gia đình việc bà làm chủ hụi ông Tính chồng bà cũng biết.

4/- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Trung T2 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày.

* Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 20/2018/DS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018, đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 227 và khoản 2 Điều 244, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Áp dụng Điều 15, 17, 19, 21, 22, 29 Nghị định 144/2016/NĐ-CP ngày 17/11/2016 của Chính phủ quy định về hụi, họ, biêu, phường; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thanh T. Buộc bà Võ Thị P và ông Dương Trung T2 trả cho bà T số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng)

[2] Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hồng T1 (Hiển). Buộc bà Võ Thị P và ông Dương Trung T2 trả cho ông T1 số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T, ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà P, ông T2 còn phải trả lãi cho bà T, ông T1 theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 25/4/2018, bị đơn Võ Thị P có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà P trả nợ theo thỏa thuận đối với bà T là 45.000.000 đồng, trừ 3.000.000 đồng đã trả trước, còn lại 42.000.000 đồng; đối với ông T1 là 16.800.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn Võ Thị P vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn T đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn P đối với yêu cầu sữa án sơ thẩm phần của nguyên đơn T và giữ y án sơ thẩm.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; đồng thời, phát biểu quan điểm về nội

dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo đối với nguyên đơn T, còn phần kháng cáo đối với nguyên đơn T1 không chấp nhận; áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, người có quyền kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đều có mặt theo giấy triệu tập của tòa án.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Thị P đối với phần hụi của nguyên đơn Huỳnh Thanh T: Các bên đương sự thừa nhận vào ngày 01/01/2012 âm lịch, bà T có tham gia chơi hụi mùa do bà Võ Thị P làm đầu thảo, hụi 10.000.000 đồng, có 16 người tham gia, bà T tham gia 01 chưng (phần). Đến ngày 30/12/2016 âm lịch, bà P khui hụi mà không gom tiền nữa và đến tháng 01/2017 bà P tuyên bố vỡ hụi. Theo bà T trình bày thì bà đã góp hụi được 09 lần với số tiền thực góp là 38.600.000 đồng. Bà P đồng ý rằng bà T đã góp được 38.600.000 đồng nhưng chỉ thừa nhận bà T góp hụi được 08 lần, đến lần mở hụi thứ 09 thì bà P đã tuyên bố vỡ hụi và không gom tiền hụi nữa (BL46). Tuy nhiên, theo danh sách tiền hụi do nguyên đơn cung cấp có chữ ký, chữ viết của bà P thì số lần góp hụi là 09 lần với tổng số tiền là 38.600.000 đồng. Ngược lại, phía bị đơn Võ Thị P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh số lần góp hụi là 08 lần như lời bà P trình bày. Như vậy, có cơ sở xác định bà T đã góp được 09 lần hụi và qua 09 lần khui hụi này thì tổng số tiền vốn hụi đã góp và lãi hụi mà bà T được hưởng từ các thành viên đã lĩnh hụi bỏ ra là 90.000.000 đồng.

[3] Đối với phần hụi của nguyên đơn Lê Hồng T1: Phía bị đơn bà Võ Thị P cũng thừa nhận là bà có làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng mở ngày 30/10/2014, bốn tháng khui một lần, ông T1 tham gia một chưng. Dây hụi này đã khui bao nhiêu lần và số tiền ông T1 đã góp được bao nhiêu bà không biết nhưng khi hòa giải ở cơ sở thì bà P thống nhất trả cho ông T1 số tiền hụi còn nợ là 17.800.000 đồng (BL45). Tuy nhiên, ông T1 cho rằng ông đã góp hụi được 07 lần với số tiền thực góp là 16.800.000 đồng (BL36a); đến lần khui hụi thứ 8 thì bà P tuyên bố vỡ hụi và không gom tiền hụi nữa. Như vậy, có cơ sở để xác định ông T1 đã góp được 07 lần hụi và qua 07 lần khui hụi này thì tổng số tiền vốn hụi và lãi hụi mà ông T1 được hưởng từ các thành viên đã lĩnh hụi bỏ ra là 35.000.000 đồng.

[4] Việc bà Võ Thị P làm chủ các dây hụi theo như ông T1, bà T trình bày là thực tế diễn ra trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Các

dây hụi trên đều là hụi đầu thảo có lãi, bà P với vai trò là đầu thảo nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thu gom tiền hụi của các thành viên đã lĩnh hụi, dẫn đến việc vỡ hụi. Vì vậy, sau khi tuyên bố vỡ hụi thì các thành viên chưa lĩnh hụi (như ông T1, bà T) có quyền được nhận tổng số tiền vốn hụi đã góp và số lãi hụi được hưởng từ các hụi viên được lĩnh hụi đã bỏ ra theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về ho, hui, biêu, phường. Ngoài ra, các hụi viên đã được lĩnh hụi còn có nghĩa vụ tiếp tục góp phần hụi (gọi là hụi chết) của mình cho bà P cho đến khi mãn hụi; bà P vẫn có quyền khởi kiện đòi tiền nợ hụi từ các hụi viên vi phạm nghĩa vụ góp hụi chết theo quy định tại khoản 4 Điều 15, Điều 20, Điều 22 và khoản 2 Điều 23 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường. Do đó, bị đơn P không thể lấy lý do hiện nay không gom được hụi chết từ các thành viên đã lĩnh hụi để từ chối giao tiền lãi hụi được hưởng cho bà T, ông T1.

[5] Mặc dù sau khi tuyên bố vỡ hụi, giữa bị đơn P và các nguyên đơn Huỳnh Thanh T, Lê Hồng T1 đã thỏa thuận để bà P trả tiền vốn hụi mà bà T, ông T1 đã thực góp qua các lần khui hụi, với điều kiện trả dần hàng tháng. Tuy nhiên, bà P đã không thực hiện đúng thỏa thuận với các nguyên đơn. Vì vậy, các nguyên đơn có quyền đơn phương chấm dứt việc thỏa thuận nêu trên để yêu cầu bà P phải thực hiện đúng nghĩa vụ của người chủ hụi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 284 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "Trường hợp điều kiện không xảy ra hoặc xảy ra do có sự tác động của một bên thì áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 120 của Bộ luật này"; Khoản 2 Điều 120 quy định: "Trường hợp điều kiện làm phát sinh hoặc hủy bỏ giao dịch dân sự không thể xảy ra được do hành vi cố ý cản trở trực tiếp hoặc gián tiếp của một bên thì coi như điều kiện đó đã xảy ra; trường hợp có sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của một bên cố ý thúc đẩy cho điều kiện xảy ra thì coi như điều kiện đó không xảy ra". Đối chiếu biên nhận ngày 10/5/2015 bị đơn P ghi nhận có thiếu nguyên đơn T số tiền 45.000.000 đồng, hẹn trả từ hè thu năm 2017, làm trả từ từ, một tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi đủ số tiền nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các nguyên đơn không thừa nhận việc có sự thỏa thuận trước đây về vấn đề kết nợ, mà là do phía bị đơn P tự ý làm biên nhận nợ và hẹn trả. Nhưng đến hẹn bị đơn P không thực hiện. Do đó, các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn P trả số tiền nợ hụi có lãi còn thiếu là hoàn toàn có căn cứ. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn Huỳnh Thanh T và Lê Hồng T1, buộc bà Võ Thị P cùng chồng là ông Dương Trung T2 có trách nhiệm trả tiền hụi 90.000.000 đồng cho bà T; 35.000.000 đồng cho ông T1 là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy kháng cáo của bị đơn Võ Thị P là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Lời trình bày và đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Huỳnh Thanh T là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với đơn yêu cầu xin giảm án phí của bị đơn P, lý do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Xét thấy, trường hợp của bị đơn không thỏa mãn theo quy định tại Điều 12,13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; cho nên không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn P.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị P.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 20/2018/DS-ST, ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thanh T. Buộc bà Võ Thị P và ông Dương Trung T2 trả cho bà T số tiền 90.000.000đồng (Chín mươi triệu đồng)

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hồng T1 (Hiển). Buộc bà Võ Thị P và ông Dương Trung T2 trả cho ông T1 số tiền 35.000.000đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà T, ông T1 có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà P, ông T2 còn phải trả lãi cho bà T, ông T1 theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Võ Thị P chịu 300.000 đồng; được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001411 ngày 15/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dũ